

SỐ LIỆU THỐNG KÊ

MSY - CHỈ SỐ TÍNH NĂM HỌC TRUNG BÌNH CỦA CỘNG ĐỒNG

• PGS.TS. ĐẶNG QUỐC BẢO

1/ Ý nghĩa

MSY (mean school years) là chỉ số tính số năm học trung bình của người dân trong cộng đồng.

Chỉ số này biểu thị cho mặt bằng dân trí của cộng đồng có tác dụng giúp cho người quản lí kinh tế giáo dục làm kế hoạch, qui hoạch giáo dục, đặc biệt kế hoạch phổ cập giáo dục.

Những năm đầu tiên khi tiếp cận với vấn đề phát triển con người (Human Development) và tính HDI (Chỉ số phát triển con người - Human Development Index), UNDP dùng MSY như một thành tố để tính chỉ số giáo dục trong HDI.

Chỉ số G (giáo dục) lúc đó được tính theo công thức:

$$G = \frac{2}{3} (a) + \frac{1}{3} (MSY)$$

a(%) biểu thị số người biết chữ từ tuổi 15 tuổi trở lên của cộng đồng.

MSY biểu thị số năm đi học trung bình của người dân cộng đồng từ 05 tuổi trở lên (tính thành số điểm %).

Thí dụ năm 1992 UNDP cho biết:

$$a_{VN} = 88,6\%$$

$$b = 4,9 \text{ năm} \rightarrow 4,9\%$$

Do đó:

$$G = \frac{2}{3} (88,6\%) + \frac{1}{3} (4,9\%) = 60,7\% (0,607)$$

Sau này chỉ số G được thay đổi cách tính: Thành tố (b) không dùng MSY mà dùng số % đi học của thanh thiếu niên độ tuổi 6 - 24 tuổi.

Tuy vậy chỉ số MSY vẫn được coi như một công cụ bổ sung quan trọng để đánh giá phát triển giáo dục của cộng đồng, đặc biệt đánh giá kết quả thực hiện giáo dục cho mọi người.

(EFA : Education for all)

2/ Cách tính MSY

a/ Cách tính MSY ngày nay thường được đơn

giản hoá để các cộng đồng dễ áp dụng. Trong các kì tổng điều tra dân số thường chia các mức học vấn với trọng số tương ứng như sau:

Mức học vấn	Trọng số	Số dân
1/ Mù chữ	0	a
2/ Chưa tốt nghiệp tiểu học	1	b
3/ Tốt nghiệp tiểu học	5	c
4/ Tốt nghiệp trung học cơ sở	9	d
5/ Tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương	12	e
6/ Tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp	14	f
7/ Tốt nghiệp cao đẳng	15	g
8/ Tốt nghiệp đại học	16	h
9/ Học vị trên đại học	18	i

MSY sẽ là trung bình cộng của các kết quả trên:

$$MSY = \frac{0a + 2b + 5c + 9d + 12e + 14f + 15g + 16h + 18i}{(a + b + c + d + e + f + g + h + i)}$$

b/ Giả dụ điều tra trong một cộng đồng với số dân 1000 người từ 5 tuổi trở lên có kết quả như sau:

Số còn mù chữ	69
Số chưa tốt nghiệp tiểu học	208
Số tốt nghiệp tiểu học	257
Số tốt nghiệp trung học cơ sở	212
Số tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương	176

(ở trường hợp này được hiểu là đã học song trung học cơ sở và tiếp nhận sự đào tạo nghề sơ cấp rồi học bổ túc văn hóa)

Số tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp	39
Số tốt nghiệp cao đẳng	14
Số tốt nghiệp đại học	34
Số có học vị trên đại học	2

Áp dụng cách tiếp cận đã nêu ở mục a thì số năm học trung bình (MSY) của người dân ở cộng đồng này đạt:

$$MSY = \frac{(69 \times 0) + (208 \times 1) + (257 \times 5) + (212 \times 9) + (176 \times 12) + (39 \times 14) + (14 \times 15) + (34 \times 16) + 2 \times 18}{(69 + 208 + 257 + 212 + 176 + 39 + 14 + 34 + 2)}$$

MSY của một số nước những năm đầu thiên niên kỉ mới.

Nước	MSY
Philippin	8,2 năm (2000)
Singapore	7,1 năm (2000)
Malaixia	6,8 năm (2000)
Thái Lan	6,5 năm (2000)
Trung Quốc	6,4 năm (2000)
Indônêxia	5,6 năm (2000)
Ấn Độ	5,1 năm (2000)
Mianma	2,8 năm (2000)
Việt Nam	6,3 năm (2002) 6,5 năm (2009)

Nguồn: MSY các nước khác lấy từ Báo cáo phát triển con người của UNDP năm 2001, của Việt Nam do đề tài KX0505 tính toán

$$MSY = \frac{643 \text{ (năm học vấn)}}{1000 \text{ (người)}} = 6,43 \text{ năm học vấn}$$

3/ MSY của Việt Nam qua một số lần tổng điều tra dân số

a/ Kì tổng điều tra dân số 1989, $MSY_{VN} = 4,5$ năm. Trước đó hồi cố tính cho năm 1979 thì $MSY_{VN} = 4,4$ năm.

Sau một thập niên từ (1979 - 1989) mặt bằng học vấn của Việt Nam chỉ tăng có 0,1 năm.

Kết quả này lúc đó làm ta rất nản lòng vì nếu muốn đạt tới mức $MSY = 5$ năm mà cứ với động thái (1979 - 1989) tức là 10 năm chỉ tăng 0,1 năm học vấn thì nước ta sẽ cần 50 năm tính từ 1989, nghĩa là phải đến năm 2039, người dân nước ta có mặt bằng 5 năm học vấn.

Mức này tương đương với phổ cập tiểu học.

b/ Những nỗ lực lớn lao của Đổi mới giáo dục trong thập niên 90 của thế kỉ trước và các tiến bộ về kinh tế xã hội của đất nước đã làm cho MSY có những tiến bộ vượt bậc.

Kì tổng điều tra dân số năm 1999 cho thấy MSY_{VN} đạt mức gần 6 năm.

Đề tài KX0505 (Nghiên cứu chỉ số phát triển con người Việt Nam) trong Chương trình Khoa học cấp Nhà nước "Văn hoá con người và nguồn nhân lực" KX05 đã tính MSY của Việt Nam năm 2002 là 6,34 năm.

c/ Kết quả tổng điều tra dân số và nhà ở thực hiện ngày 1/4/2009 với sự công bố kết quả suy rộng ngày 31/12/2009 cho biết:

Trong tổng số người từ 5 tuổi trở lên về mặt học vấn có kết quả như sau:

- 4 triệu người chưa đi học (chiếm 5,1%)
- 16,4 triệu người chưa tốt nghiệp tiểu học (chiếm 20,8%)
- 20,2 triệu người tốt nghiệp tiểu học (chiếm 25,7%)
- 17,2 triệu người tốt nghiệp trung học cơ sở (chiếm 21,2%)
- 12,2 triệu người tốt nghiệp trung học phổ

thông (chiếm 15,5%)

- 1,7 triệu người tốt nghiệp sơ cấp nghề (chiếm 2,1%)
- 3,0 triệu người trung cấp chuyên nghiệp (chiếm 3,9%)
- 1,1 triệu người tốt nghiệp cao đẳng (chiếm 1,3%)
- 2,7 triệu người tốt nghiệp đại học (chiếm 3,4%)
- 141 ngàn người có học vị trên đại học (chiếm 0,2%)

Qua một số phép qui đổi tương đương và áp dụng công thức tính MSY đã nêu ở (2a) thì năm 2009 MSY_{VN} đạt khoảng 6,5 năm.

Như vậy sau một thập niên từ 1999 - 2009 nước ta đã nâng mức học vấn của người dân lên gần 0,5 năm. Đó là một thành tựu tương đối ấn tượng khi GDP bình quân còn dưới mức 1000USD.

4. Khuyến nghị

Nên cố gắng thực hiện các công trình đánh giá MSY cho các cộng đồng tỉnh, huyện, phường, xã. Qua đó thấy rõ được tiến bộ của giáo dục và những vấn đề còn phải đặt ra cho việc thực hiện kế hoạch giáo dục cho mọi người, thực hiện mục tiêu thiên niên kỉ (MDG) về giáo dục.

Công việc này không quá khó khăn và phức tạp về mặt tính toán, chỉ cần tổ chức điều tra chu đáo đối với các hộ dân. Việc này mỗi nhà trường đều có thể thực hiện thuận lợi qua việc lấy mẫu từ chính các gia đình có con đi học tại trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1/ Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở TW, "Báo cáo kết quả suy rộng mẫu Tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/2009" công bố ngày 31/12/2009
- 2/ Đặng Quốc Bảo, Trương Thuý Hằng, Đặng Thanh Huyền, Nghiên cứu chỉ số phát triển con người Việt Nam
- 3/ Đỗ Thịnh - Đặng Xuân Thao, Học vấn và mức sinh, NXB Thống kê, Hà Nội, 1997

ISSUE NO.54 - MARCH 2010

- SIXTH YEAR

• Deputy Editor-in-chief

BUI DUC THIEP, M.Ed.

• Editorial Board

Prof.Academician PHAM MINH HAC

Prof.Dr. NGUYEN MINH DUONG

Prof.Dr. VU NGOC HAI

Prof.Dr. TRAN VAN NHUNG

Prof.Dr. NGUYEN HUU CHAU

Prof.Dr. PHAM TAT DONG

Prof.Dr. NGUYEN THANH HUNG

Assoc.Prof.Dr. DANG QUOC BAO

Assoc.Prof.Dr. DO DINH HOAN

Assoc.Prof.Dr. TRAN KIEU

Assoc.Prof.Dr. MAC VAN TRANG

Assoc.Prof.Dr. NGUYEN DUC TRI

• Head office

101 Tran Hung Dao, Ha Noi

Tel.(84-4) 39424183; (84-4)

39422314; (84-4) 39423488;

Fax: (84-4) 39424183

E-mail: tapchikhgd@yahoo.com

Account No. 102010000028628

Vietnam Incombank

• Printed by SAVINA

RESEARCH

- | | Page |
|--|------|
| 1. Do Ngoc Thong: From Finland's education thinking about the directions for school education in Vietnam | 1 |
| 2. Nguyen Loc: TMQ or Total quality management | 8 |
| 3. Nguyen Tien Hung: Education curriculum framework | 13 |
| 4. Pham Thanh Nghi: Subject's message and its meaning in parent-children, teacher - student communication | 17 |
| 5. Le Anh Tuyet: Educational measures for children between 0 to 6 years in the family | 20 |
| 6. Le Van Tac: About the special education program for hearing impaired children in primary school | 25 |
| 7. Nguyen Duc Minh: Duration, preferences for subjects and expectations by primary school children through a survey of 4th and 5th graders | 30 |
| 8. Bach Ngoc Diep: Assessing learning results in Grade 1,2 and 3 Arts through comments | 33 |
| 9. Nguyen Dinh Hung: Initial concepts and the teaching of physics in lower secondary | 38 |
| 10. Do Tien Sy: Developing research capacity by young teaching staff | 42 |
| 11. Phan Minh Hien: Factors affecting the manpower development through vocational training | 46 |

EXCHANGE

- | | |
|--|----|
| 12. Nguyen Minh Tho: Some thoughts on national universities | 50 |
| 13. Cao Thi Thang: Recommendation on building Sciences and Social studies in Vietnam according to integration concepts | 52 |

EDUCATION PRACTICE

- | | |
|---|----|
| 14. Pham Minh Gian: Implementing "standardization, modernization, socialization" of teaching staff in Dong Thap | 56 |
|---|----|

EDUCATION ABROAD

- | | |
|--|----|
| 15. Tran Van Hung: New Zealand's experience in determining training and labour needs | 58 |
|--|----|

EDUCATION STATISTICS

- | | |
|---|----|
| 16. Dang Quoc Bao: MSY - community average schooling year indicator | 63 |
|---|----|

GIỚI THIỆU MỘT SỐ ẤN PHẨM CỦA VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2005 - 2010

